

1. **July. Tonkin and Quang Nam**

Một ít dầu tích về...

Y phục người Minh, trên vai năm nay đã có chữ «hà hóa». Đối với vấn đề này, dư luận đã bàn cách cái lương này nọ. Trên đời cái gì thích thì còn, mà ngày thêm phát triển; cái gì không thích thì lần lần bị đào thải, mà theo thời gian và hoàn cảnh và đời mới, không phải bàn.

Dạy có kiểu y phục không chỉ eo dân tích trên lịch sử, mà hiện nay phần đông còn công nhận là quốc phục thông hành cả ba kỳ, như: khăn đen, áo dài và kết nút về bên tay phải, quần ống v. v. kiểu này không rõ bắt chước ở đâu, tưởng là một việc đáng nghiên cứu. Bất chước người Tàu chăng?

Ta học văn hóa Tàu, chế độ gì cũng bắt chước Tàu, có lẽ y phục cũng thế. Song xét người Tàu xưa xưa (dời Mãn Thanh) thì dân cạo tóc, áo gài nút giữa, dân bà bện xiêm và váy (裙), nay đã có kẻ mất quần). Thế là kiểu y phục ta không phải bắt chước Tàu.

Kiểu đời Minh và đời Tống. Lối dĩ nghị trên, nói không phải bắt chước Tàu, vẫn là thực sự. Song kiểu mặc người Tàu đó là kiểu đời Mãn Thanh, không phải kiểu y phục của người Tàu về đời trước, đời Minh và đời Tống.

Một lẽ rõ ràng, nước ta từ đời Đinh-Tiền-Hoàng mới độc lập (968) ngang đời Tống (tên là Tống Nhân Tông), từ đó mới có triều nghi phục sắc. Kể đó mấy triều (ngang đời Tống Mian), kiểu y phục đều bắt chước Tàu. Từ Mãn Thanh vào chiếm Trung-quốc buộc người Hán bỏ kiểu y phục đời Tống và đời Minh trước mà theo tục «áo ngắn cạo đầu». Người Tàu đã bỏ kiểu y phục ấy mà người Minh còn giữ

nguyên, nên kiểu y phục ta khác với kiểu y phục người Tàu triều Mãn Thanh mà không phải khác với kiểu đời Tống Minh trước. Vậy ta có thể đoán định rằng: kiểu y phục ta mà gọi là quốc phục đó tức là kiểu đời Minh.

Chứng vào đâu?

Nước ta tiếng là học Tàu, nhưng học sách đời Tống về trước, phần đông không đọc đến sách Tống, Minh về sau, nên đối với việc thay đổi trên lịch sử cận đại nước Tàu, không mấy ai rõ, không có sách học, không ai buộc phải học. Chế độ trong nước có bắt chước Tàu thay đổi thế nào chỉ là việc trên triều đình nhà vua, còn dân gian phần đông chỉ làm theo mà không biết lai lịch.

Về triều Minh-Mạng năm 18 (1835) trong lời dụ sức dân gian Hà-tĩnh trở ra Bắc đời cách y phục có nói:

Quảng Bình trở vào Nam, khăn mào áo quần đều theo chế độ đời Hán, đời Minh, trông ra bề chính, mà người Bắc dân ông có kẻ đóng khổ, dân bà trên bận giao lãnh, dưới bận váy, chỗ lốt xấu rõ ràng dễ thấy, nên buộc nhứt là thay đổi.

Đó là một chứng kiện khăn áo và quần ta bận ngày nay là theo kiểu đời Minh (1).

Cũng triều Minh-Mạng, ông Lý-văn-Phước (văn thần có danh triều ấy đi sứ lâu đến mấy lần) phụng sứ mang đưa người Tàu Trần-Khai (bị báo, gặc lắp vào bãi biển ta) về Phúc-kiến, ông thấy người Tàu mặc áo quần theo lối Mãn Thanh, có ý tự phụ mình là người Trung-quốc, khinh rẽ người Nam ta, cho là «mọi»: trước cửa công-quan có treo tấm bảng đề mấy chữ «Việt-Nam di-sử công quán» (越南史公館).

Đến đây, mấy chữ này do chủ tỉnh đó mới viết đề ngạo chọi, chứ không phải sẵn có.

Ông Lý tới đó không chịu vào xe chữ để đó. Ông lại làm một bài «di biện» bác chữ «di» kia. Trong bài ấy ông nâng cao thanh giá nước ta, nói: đạo học là học Khổng Mạnh, văn chương là Tả, Quốc, Bào, Mã, y phục theo chế độ Tống, Minh, ... như vậy mà cho là «di» thì không biết thế nào mới gọi là «Bào» (ý nhạo người Tàu theo Mãn Thanh là mọi).

Người Minh mà khoe với người Tàu rằng y phục mình theo Tống Minh, đó lại là một chứng (2). Vì sao nước Tàu bỏ hẳn kiểu y phục Tống Minh?

Mãn Thanh vào chiếm Trung-quốc, không chỉ cái lệnh «cạo đầu», làm cho người Tàu làm dân «trọc đầu» tức kiết đuôi, đến cái lệnh «đeo khăn» cũng buộc theo quốc tục Mãn, không cho ai giữ theo kiểu xưa nữa. Người không chịu theo lệnh ấy, phải trốn ra nước ngoài, như Trần-thượng-Xuyên, Mạc-Cửu, đem cả bà con sang nước ta. Còn ở trong nước, đến con cháu cụ Khổng cũng phải mặc theo kiểu y phục Mãn Thanh. Trong tập Mãn Thanh thì thuật ông Lý có chép một chuyện có thú:

Sau bài «di biện» tuyên bố rồi, người Tàu phục vẫn tại ông Lý-văn-Phước không khinh rẽ như trước nữa. Nhưng ông Phước thường tỏ ý khinh người Tàu: Một ngày nọ có người chèo 73 dơi cụ Khổng (ngụ ở Phúc-kiến) nghe có sứ Việt-nam, lại ra mắt, trông người cử chỉ ăn nói rất chững chàng đàng dàng, song cũng bận kiểu y phục Mãn-thanh. Bữa sau ông lại gặp lại, thấy giữa nhà có treo tấm bảng trên có 4 chữ «Lập lập thi ngôn» (立立詩言), (3) ông có tặng bài thi:

Quyển ý tây đình gia vị vương,
Khước tăng nguyệt hạ tiếp thái quang
Thăng xa xích bộ thành nhân hậu,

Lập lập thi ngôn quân tử đường.
Cụ từ chương phụng phụng Lê Tống.
Tối hận phụng hủ xuất Âu Thương,
Tổ lai thất thập hữu tam thu.

Ngô đạo chân lưu thiên địa trường.
Dịch:
Tây đình gia vị mỗi không đêm trường,
Bằng bằng phụng phụng gót ngọc vương.
Mạc thừa người ra giằng Thái-Dương,
Lẽ thì nhà giặc mới thơ hương.

Chương Phụng Lê Tống thời chia vậy (4)
Phụng hủ Âu Thương xót là giương (5)
Kể bảy mươi ba đời nổi mãi,
Trời cao đất rộng đạo đi trường.

Ông Phước lại có vào yết kiến ông Châu-Hy, thấy tượng thờ còn bận áo mào đời Tống, có câu thi:

«Hoàng Tống y quan thiên nhật minh» (皇宋衣冠天日明)

(ý nói không bận kiểu nhà Thanh).

Trên là dẫn chứng kiểu y phục ta là theo Tống, Minh.

Một chuyện lời thôi về việc đời y phục trên sử ta

Nước ta trước thời Âu hóa, về kiểu y phục dân ông thì Nam Bắc gần giống nhau cả, duy bên dân bà thì từ Quảng Bình trở ra còn tục mặc váy (tiếng đương trong gọi là cái «chân»), bằng vải hay lụa rộng bao luồn cả 2 chân, không có ống như quần, và bao tóc vẫn khăn; mà dân bà đương trong, Quảng Bình vào Nam, thì bận quần, bởi dùm tóc, như dân ông, (nay có khác đôi chút), nghĩa là áo quần của dân bà có khác, còn của dân ông vẫn như xưa.

Song từ đời Minh Mạng về trước, kiểu y phục Nam Bắc hẳn có khác, thành có tờ dụ cải dịch y phục năm Minh Mạng thứ 18 (1835), tờ dụ ấy nói rõ:

«Trước vì từ sông Linh-giang trở ra Bắc, y phục còn theo kiểu cũ, có lệnh sức đời theo như kiểu «Quảng Bình trở vào trong này, để tiện bề cho sự phong tục đồng như». Vậy mà từ năm Minh-Mạng thứ 8 (1825) đến nay, trái 10 năm, «nghe dân gian còn có chỗ chưa đổi thay».

Và chẳng từ Quảng Bình vào Nam, áo quần khăn mũ, đều theo

... «y-phục» ta trên lịch sử

«chế độ đời Hán, đời Minh, so với «tục cũ ngoài Bắc, dân ông nhiều «kẻ mang cái khổ, dân bà mặc «áo giao lãnh (không gài nút cổ), «dưới quàng cái váy, lốt xấu rõ «ràng dễ thấy... Hạng trong năm «nay, nhứt là phải đổi theo kiểu «mới, ai còn giữ tục cũ sẽ bị tội. Xem tờ dụ trên thì rõ đời Minh-Mạng về trước, Nam Bắc y phục không đồng nhau.

Nguyên nhân không đồng

Nước ta từ đời Lê về trước, dân miền Nam vẫn chưa mở mang, mà dân tục vẫn thống nhứt, từ đời Trịnh-Nguyễn tranh nhau, miền Bắc thuộc về Lê Trịnh (Linh-giang trở ra), miền Nam thuộc về chúa Nguyễn (Quảng Bình trở vào), chủ ở trên đã chia rẽ, tức nhân dân ở dưới phải theo chánh lệnh chế độ phong tục ở đó mà không thể nhứt được. Đó là một cơ.

Theo một ít nhà thế gia cùng có lẽo thuật lại, thì chế độ triều Nguyễn bắt đầu sửa đổi, có ý cố làm khác để phân biệt với Lê Trịnh (tờ y không phục thuộc Lê Trịnh) do tay ông Đào duy Từ, một nhà có tài kinh quốc, tới có công thờ nhứt triều Nguyễn khởi xương.

Trong sự cải cách ấy, y phục là một, dân ông theo kiểu nhà Minh, còn dân bà thì bỏ tục bận váy mà mặc quần, dân tóc không bao mà bởi như dân ông, áo thì gài cổ không thả cổ như dân bà Bắc, Đó lại là một cơ.

Người ta lại kể chuyện đời Minh Mạng hạ lệnh cải dịch y phục, buộc Quảng Bình trở ra Bắc phải ăn bận như người Nam, lúc ấy các quan địa phương thưa dọ vua nghiêm sức, dân gian rất lấy làm kinh hãi,

Song họ cố giữ kiểu y phục ấy, có nhiều người bị tội bị tù mà không chịu theo kiểu mới...

Trong tờ dụ trên có câu «lệnh thì hành đã 10 năm mà dân gian còn có kẻ bận theo kiểu cũ không đổi» thì rõ lời thuật trên hẳn có sự thiệt. Đó lại một cơ nữa.

Ký thuật chuyên trên, một là chứng cho độc giả rõ kiểu y phục ta (khăn mũ áo quần) là theo chế độ Tống, Minh; hai là thấy rõ vấn đề y phục vì có chia rẽ Nam Bắc không làm sao thể nhứt được, tuy là lấy cái quyền của nhà vua. Một nói giống, đồng một đất nước, mà có chia rẽ, cái dấu vết chia rẽ ấy còn lưu dấu đến ngày nay, thật là một điều thương tâm trên lịch sử.

Ngày nay cái đời «sông» gần núi cách ở dân quen đây, đã không còn nữa, mà xe lửa giây thép đã đưa anh em Trung Nam Bắc lại một nhà rồi, ta nên kịp kết giải đồng tâm, cho cho sạch cái vết xấu «chia rẽ» trên lịch sử ta xưa, đừng cho làm bại đến nỗi giống ta sau này.

Không chỉ vấn đề y phục, trên đường sống chúng ta cả vật chất lẫn tinh thần, cái gì cũng cần phải là nhứt cả, mới mong được được trên cõi cạnh tranh ngày nay.

Chỗ đó thức giả nên lưu tâm!

HẢI - AU

- (1) Dụ này chép trong «Minh-Mạng Chính-Yên» quyển 13.
- (2) Chép trong «Mãn-hành-Thi-Thoại» chính từ tay ông Lý soạn.
- (3) Tờ là lời cụ Khổng gởi con Bà-ngư «rong Luận-ngư».
- (4) Cụ Khổng lúc ở nước Lê đời Lê Chương-phụng, lúc ở nước Tống bận áo Phụng-dịch.
- (5) Con cháu nhà Thương bận quốc phục làm lễ nhà Chấn sau khi mất nước.

BÁ = TƯỚC MÔNG = THỂ = TÔN

(LE COMTE DE MONTE-CRISTO)

PHÁP - QUỐC LỊCH SỬ TIỂU - THUYẾT

Tác - giả : Alexandre Dumas

Dịch - giả : Nam-Son

— Thưa ông, đến giờ mà lại không hay? Chính tôi cũng không biết tôi đến đến cho đó - đến những gì, và Hoàng đế chỉ bởi tôi những câu chuyện thường thôi thôi mà!... Mà số y-tế và số thương-chánh đã phải người đến kia, xin phép ông cho tôi đi một chỗ.

— Phải, anh cứ đi đi. Đấng-Thế đi xa rồi, thì Đấng-Lát lại gần Mô-Ren :

— Dạ, có lẽ nó đã thừa với ông vì có gì nó cho tàu dân ở đảo Elbe (Eo-bê) rồi chứ?

— Phải, có lý chính đáng lắm.

— Dạ... ai cũng vậy, thấy một người đồng sự làm sai lầm phân thì không yên tâm.

— Đấng-Thế làm đúng bốn phần của anh ta, không nói gì được. Chính cái tàu Lê-Thế báo anh ta đang tàu ở đảo Elbe (Eo-bê) đó.

— Dạ, mà nói về ông Lê-Thế, nó có trao phong thơ của ông cho ông không?

— Ai trao?

— Dạ, Đấng-Thế.

— Trao cho ta?... không! có thơ sao?

— Dạ. Tôi thấy ngoài cái gói gì đó, ông Lê-Thế còn đưa cho nó một phong thơ nữa.

— Đấng-Lát, anh nói gói gì?

— Dạ, cái gói mà Đấng-Thế để lại ở Elbe (Eo-bê).

— Sao anh lại biết Đấng-Thế có để lại ở Elbe (Eo-bê) một cái gói?

— Đấng-Lát có vẻ thẹn :

— Khi ấy tôi đi ngang trước cửa phòng ông cai tàu, cửa mở hé, nên tôi thấy ông trao cho Đấng-Thế một cái gói và một phong thơ.

— Ta không nghe Đấng-Thế nói, nhưng nếu có phong thơ ấy, thì rồi anh ta sẽ đưa cho ta, không gặp chi.

Đấng-Lát nghĩ một hồi, rồi nói :

— Thưa ông, vậy thì xin ông đừng thuật lại chuyện ấy với Đấng-Thế... có lẽ tôi làm.

Vừa đó, Đấng-Thế trở lại, còn Đấng-Lát thì lánh mình đi nơi khác. Mô-Ren nói :

— Đấng - Thế, bây giờ anh đã thông thả chưa?

Đấng-Thế trả lời :

— Thưa, thông thả.

— Họ khám xét mau thế sao?

— Có gì mà phải lâu, mình chỉ trao cho họ cái danh sách hàng hóa trong tàu cùng giấy mà theo lệ là rồi...

— Anh còn phải làm việc gì ở đây nữa không?

Đấng-Thế ngó qua chàng quanh rồi nói :

— Thưa không, việc gì cũng xong cả, cái gì cũng có thứ tự cả rồi.

— Vậy anh có thể đến ăn cơm với ta chứ?

— Xin ông thứ lỗi cho, tôi phải về thăm cha tôi trước đây. Tuy vậy, tôi cũng xin đợi ông.

— Phải lắm, phải lắm! Anh là một người con chí hiếu mà.

Đấng-Thế hỏi có hơi ngập ngừng :

— Và... thưa ông... không biết cha tôi có mạnh không?

— Có lẽ mạnh, tuy ta không hay gặp ông.

— Phải, cha tôi ở luôn trong nhà, chứ ít đi ra lắm.

— Đều ấy lại chứng rằng trong khoảng anh đi vắng, ông không thiếu thốn vật gì.

Đấng-Thế mỉm cười :

— Cha tôi có tánh tự trọng hơn ai hết. Nếu ông có thiếu vật gì, chắc là cũng không chịu đi nhờ cậy ai.

— Vậy thì anh về thăm ông thân anh rồi, sẽ trở lại ăn với ta nhé!

— Cũng xin ông thứ lỗi cho luôn, vì thăm cha tôi rồi, tôi còn phải đi thăm một người thân yêu của tôi nữa.

— À, phải rồi, ta quên rằng ở làng Cát-tân cũng có người nóng lòng trông đợi anh không kém gì ông thân

anh : ấy là nàng Mai-Thiết-Thanh tuyệt sắc kia.

Đấng-Thế lại mỉm cười.

Mô-Ren tiếp tục :

— À, ta biết lắm / nàng ấy có đến hỏi tin tức tàu Pha-ra-ông, hỏi đến ba lần lận. Đấng-Thế, ta khen anh đó, anh khéo tìm được một người tình nhân rất có sắc.

— Thưa ông, không phải là tình nhân (Đấng-Thế nói giọng rất nghiêm) mà là vị hôn thê của tôi đấy.

— Có khi gọi cả hai tiếng cũng được chứ (Mô-Ren vừa nói vừa cười).

— Đối với chúng tôi thì không gọi như thế được.

— Thôi, thôi, Đấng-Thế, ta không cảm anh lại nữa; anh đã làm xong công việc của ta rồi, lẽ nào ta lại không để cho anh có đủ thì giờ làm công việc của anh. Anh có cần nhiều ít bạc gì không?

— Thưa không, tôi đã có bạc lương trong thời gian lễ hành, nghĩa là ba tháng.

— Đấng-Thế, anh là một người cần thận quá, tốt lắm.

— Xin thêm rằng tôi có một ông cha già và nghèo, thưa ông.

— Phải, phải, ta đã biết anh là một người con chí hiếu. Vậy anh hãy về thăm ông thân anh đi; ta cũng có một đứa con trai xoàng anh, nếu sau một cuộc lễ hành ba tháng, ai còn cầm nó ở xa ta, thì chắc là không khỏi bị ta oán.

— Vậy, ông cho phép...

Đấng-Thế vừa nói vừa cúi chào.

— Vâng, nếu anh không còn chuyện gì cần nói với ta nữa.

— Thưa không.

— Chờ cái Lê - Thế, trước khi

từ trần, không giao anh phong thư để đưa lại cho ta hay sao?

— Thưa không, ông Lê-Thế không cầm bắt được. Nhưng may nhờ ông hỏi, mà tôi mới nhớ đến chuyện tôi phải xin phép ông nghỉ mười tám ngày.

— Để cưới vợ phải không?

— Dạ, trước để cưới vợ, sau để đi Paris (Ba-ri).

— Được, được, anh muốn nghỉ mấy ngày thì nghỉ. Ta tính đưa hết hàng hóa trên tàu xuống, cũng mất sáu tuần lễ; và ít ra cũng ba tháng nữa mới đi chuyển khác được...

Nhưng sau ba tháng anh phải có mặt tại đây. Tàu Pha-ra-ông không thể nhờ neo, nếu không có ông cai của nó, anh nhớ lấy nhé! (Mô-Ren vừa nói vừa vỗ vai Đấng-Thế).

— Không có ông cai của nó (Đấng-Thế lặp lại đoạn ấy mà tỏ bộ vui vẻ lạ). Xin ông cần thận về điều ông vừa nói đó cho, là vì ông đã động đến chỗ ước vọng trong lòng tôi.

Ông có ý cho tôi làm cai tàu Pha-ra-ông thật sao?

— Đấng-Thế, nếu chỉ một mình ta, thì ta bắt tay anh ngay bây giờ mà nói : « Anh là cai tàu Pha-ra-ông », nhưng anh cũng biết rằng ta còn có một người bạn vốn nữa.

Tuy vậy, anh cũng đã được nửa phần việc rồi; trong hai tiếng, anh đã được một tiếng; còn một tiếng nữa ta sẽ vận động giúp cho anh. Anh cứ trông cậy nơi ta đây.

Đấng-Thế quá cảm động, rung rung hai hàng nước mắt, bắt tay Mô-Ren mà nói :

— Thưa ông, thưa ông, tôi xin nhân danh cha tôi và Mai - thiết - Thanh mà cảm ơn ông.

— Thôi, anh về thăm ông thân anh, thăm nàng Mai-Thiết-Thanh đi, rồi đến tìm ta nhé.

— Dạ, tôi còn phải đưa ông lên bờ đã chứ?

— Cảm ơn, ta phải còn ở lại tinh thần với Đấng-Lát. À, mà trong thời gian lễ hành, anh có đến gì bất bình với Đấng-Lát không?

— Thưa ông, câu hỏi đó thật khó trả lời. Nói về tình bề bạn giữa Đấng-Lát và tôi, thì không có chút nào hết. Tôi chỉ là ảnh không ra tôi, vì ngày nọ hai người chúng tôi rầy rà với nhau, tôi đã khởi đưng lại ở đảo Monte-Cristo (Mông-thế-Tôn) trong 10 phút để đấu gươm, nhưng ảnh từ chối.

Nay tôi đã biết ảnh từ chối là phải, mà tôi đã khởi là quấy. Còn nói về việc tình bề sách, thì tôi chắc là ông không có đến gì trách ảnh được.

— Nhưng, nếu anh được làm cai tàu Pha-ra-ông, anh có vui lòng giữ Đấng-Lát lại không?

— Cai bay phụ cai, khi nào tôi cũng trọng những người nào đã được chủ tôi tin cậy cả.

— Đấng-Thế, về phương diện nào, anh xử trí cũng hay cả. Như anh nói nà lắm thì phải / Vậy anh đi đi kéo trẻ.

— Thưa ông, tôi được phép nghỉ?

— Được; ta đã nói rồi...

— Xin ông cho phép tôi dùng chiếc ca-nốt của ông.

— Anh cứ việc dùng.

— Xin chào ông, và xin cảm ơn ông.

— Chào anh, và chúc anh được may mắn.

Người thanh niên nhảy vào ca-nốt, bảo đưa vào bến Cannebière (Can-

nô-be) hai thầy thả cầm đầu chèo, ca-nốt xen lẫn trong rừng tằm bẻ, và chạy rất chóng.

Mô-Ren miệng mỉm cười, đứng nhìn theo, nhìn cho đến khi ca-nốt vào tới bến, và Đấng-Thế đi lẫn vào đám người từ năm giờ sáng đến chín giờ tối chen chúc ở đường Cannebière (Can-nô-be), là con đường mà nhân dân thành phố rất quý và hay nói, nói nghiêm chứ không phải nói chơi: « Nếu Ba-ri mà có được con đường Cannebière (Can-nô-be) thì Ba-ri sẽ là một thành phố Mạc-xây con con ».

Khi Mô-Ren xây lại thì thấy Đấng-Lát đứng sau lưng, như chờ lệnh của ông, mà kỳ thật cũng là nhìn theo Đấng-Thế.

Cái nhìn của Mô-Ren và cái nhìn của Đấng-Lát, tuy đều là nhìn Đấng-Thế, nhưng ý nghĩa khác nhau xa lắm.

II

Cha và con

Ta hãy để Đấng-Lát cùng con mà đỡ kỳ thừa bỏ nói hành bạn nó với Mô-Ren, mà theo chơn Đấng-Thế.

Đấng-Thế đi hết đường Cannebière (Can-nô-be), qua đường Neallies (Nô-ay), vào một nhà nhỏ, ở phía hữu các đường Meilhan (Mây-lân), lên cái thang lầu tối đen, một tay vịn cầu lớn thang, một tay chặn chỗ ngực cho trái tim khỏi nhảy mạnh, rồi đứng trước một cái cửa mở hé hé, dòm vừa đủ thấy tận trong phòng.

Ấy là phòng của ông thân chàng ở.

Ông lão này chưa nghe tin tàu Pha-ra-ông về. Ông đương đứng trên một cái ghế dựa, lo sửa mấy cái giấy bóng leo trên dầm sắt trước cửa sổ phòng, tay chưa rùn lập cập.

Thình lình ông nghe có cánh tay ôm ông, lại có tiếng rất quen nói sau lưng ông :

— Thưa cha, thưa cha!

(Sẽ tiếp)